

CHƯƠNG TRÌNH

hành động thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới

Thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 189/NQ-CP, ngày 16/11/2023 của Chính phủ về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới; Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động với những nội dung chủ yếu sau:

I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH

Trong những năm qua, việc phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học đã đạt được một số kết quả đáng khích lệ, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội tỉnh. Năng lực nghiên cứu, thử nghiệm công nghệ sinh học trên một số lĩnh vực đặc thù được nâng lên, mang lại hiệu quả tích cực trong sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, bảo vệ môi trường, trồng và chế biến dược liệu... Nhiều mô hình ứng dụng công nghệ sinh học đã được chuyển giao nhân rộng, góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất; một số giống cây trồng, vật nuôi mới được nghiên cứu, áp dụng, tạo ra sự đa dạng về đối tượng nuôi. Các chương trình bảo tồn phát triển nguồn gen quý hiếm, các giống cây trồng, vật nuôi có lợi thế vùng khô hạn, bảo vệ môi trường, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị các sản phẩm đặc thù được đầu tư nghiên cứu và bước đầu có kết quả.

Tuy nhiên, trình độ phát triển công nghệ sinh học của tỉnh còn thấp so với mặt bằng chung cả nước; công nghiệp sinh học hầu như chưa có trong cơ cấu kinh tế của tỉnh, chưa đáp ứng được yêu cầu thiết yếu của xã hội; nhiều mô hình ứng dụng công nghệ sinh học vào nông nghiệp chỉ dừng ở mức thử nghiệm, chưa thể nhân ra diện rộng trong sản xuất.

Nguyên nhân của những hạn chế trên chủ yếu là do: Nhận thức của một số cán bộ, đảng viên, công chức và một bộ phận quần chúng nhân dân về vai trò của phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học đối với phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh hạn chế; chưa có các cơ chế, chính sách đủ mạnh để thúc đẩy phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong tỉnh; nguồn nhân lực khoa học, công nghệ và cơ sở vật chất phục vụ nghiên cứu, phát triển, ứng dụng và chuyển giao công nghệ sinh

học vào sản xuất và đời sống còn nhiều hạn chế; chưa đủ năng lực nghiên cứu chuyên sâu, phát triển nhiều công nghệ tiên tiến như công nghệ gen, công nghệ phân tử; khó khăn trong thu hút, hình thành doanh nghiệp công nghiệp sinh học.

II- MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tập trung nguồn lực đầu tư phát triển và ứng dụng rộng rãi công nghệ sinh học vào sản xuất và đời sống, nhất là trong các ngành, lĩnh vực có thế mạnh của tỉnh; xây dựng, phát triển ngành công nghiệp sinh học thành ngành kinh tế-kỹ thuật quan trọng, đóng góp tích cực vào GRDP của tỉnh; phấn đấu đưa tỉnh Ninh Thuận trở thành tỉnh có nền công nghệ sinh học phát triển, đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế-xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu đến năm 2030

- Nâng cao, thống nhất nhận thức và hành động về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong tình hình mới; xây dựng và triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách nhằm phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học.

- Xây dựng nền công nghệ sinh học của tỉnh có nguồn nhân lực đảm bảo chất lượng, cơ sở vật chất, tài chính đủ mạnh đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học; đạt trình độ tương đương các tỉnh, thành khác trong khu vực và cả nước.

- Tập trung phát triển, ứng dụng hiệu quả công nghệ sinh học trong các lĩnh vực: Nông nghiệp; công nghiệp; y tế; bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học; góp phần phát triển kinh tế-xã hội nhanh, bền vững; phát triển công nghệ sinh học thành ngành kinh tế-kỹ thuật quan trọng của tỉnh đóng góp ít nhất 7% vào GRDP của tỉnh; bảo đảm nhu cầu thiết yếu của xã hội.

- Đẩy mạnh hợp tác trong và ngoài nước về công nghệ sinh học; thu hút được ít nhất 01 doanh nghiệp công nghiệp sinh học đầu tư trên địa bàn tỉnh.

2.2. Tầm nhìn đến năm 2045

Ninh Thuận là tỉnh có nền công nghệ sinh học phát triển, trung tâm sản xuất và dịch vụ thông minh; khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo về công nghệ sinh học thuộc nhóm dẫn đầu khu vực Duyên hải Nam Trung bộ. Công nghiệp sinh học đóng góp ít nhất 10% vào GRDP.

III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Thống nhất nhận thức về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong tình hình mới

- Các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên nghiên cứu, quán triệt sâu sắc chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học. Đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức trong cả hệ thống chính trị, người dân và doanh nghiệp về tầm quan trọng của phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, nâng cao đời sống Nhân dân.

- Đổi mới tư duy phát triển và đẩy mạnh quyết tâm của các cấp, các ngành về ứng dụng và phát triển công nghệ sinh học trong tình hình mới; phát triển công nghệ sinh học là xu thế của thế giới; là động lực quan trọng để thực hiện quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế. Phát triển công nghệ sinh học phải khai thác và phát huy tốt nhất tiềm năng, lợi thế của tỉnh; phát triển công nghệ sinh học thành ngành kinh tế-kỹ thuật quan trọng là giải pháp ưu tiên trong phát triển kinh tế-xã hội; lấy doanh nghiệp là chủ thể, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế tư nhân đầu tư phát triển công nghệ sinh học. Phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học là một trong nội dung, nhiệm vụ được xác định trong chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh. Phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, xây dựng hệ thống nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sinh học thông minh, hiện đại, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Công tác tuyên truyền về Nghị quyết số 36-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 189/NQ-CP của Chính phủ, Chương trình hành động này của Ban Thường vụ Tỉnh ủy cần được tiến hành với quy mô sâu rộng, với nhiều hình thức, phương thức truyền thông đa dạng, phong phú và phù hợp với từng đối tượng, tạo nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng, cơ hội, thuận lợi, thách thức, cũng như tiềm năng, lợi thế của phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học nhằm tạo đột phá phát triển kinh tế-xã hội của đất nước, của tỉnh, bảo đảm quốc phòng, an ninh, nâng cao đời sống Nhân dân. Cơ quan truyền thông, báo chí địa phương chú trọng giới thiệu thành tựu công nghệ sinh học; chủ động tuyên truyền các tập thể, cá nhân điển hình trong nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học. Kịp thời khen thưởng, tôn vinh các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân hoạt động hiệu quả.

2. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện pháp luật, cơ chế, chính sách phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học

- Tổ chức triển khai, hoàn thành tốt các nhiệm vụ của tỉnh trong phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng: Đề án hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, sở hữu trí tuệ về sản phẩm công nghệ sinh học; Đề án thống kê, đánh giá tỷ trọng đóng góp của công nghệ sinh học phục vụ phát triển kinh tế-xã hội.

- Rà soát hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học của Trung ương: Về thu hút các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nghiên cứu, ứng dụng, sản xuất sản phẩm công nghệ sinh học; sở hữu trí tuệ; hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm công nghệ sinh học; bảo đảm an toàn sinh học để xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai, tạo đột phá trong phát triển kinh tế-xã hội tại địa phương.

- Nghiên cứu, xây dựng cơ chế chính sách đặc thù phù hợp, khả thi theo thẩm quyền của tỉnh về huy động nguồn lực phục vụ phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học, sản xuất các sản phẩm công nghệ sinh học có giá trị cao, quy mô lớn trong một số lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế ở các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, y tế, môi trường, quốc phòng, an ninh hướng đến xuất khẩu sản phẩm công nghệ sinh học, như: Đào tạo, phát hiện, sử dụng nguồn nhân lực có trình độ cao về công nghệ sinh học; cơ chế liên kết giữa các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong nghiên cứu phát triển, chuyển giao và ứng dụng công nghệ sinh học; tăng kinh phí đầu tư từ ngân sách nhà nước, khuyến khích thu hút nguồn vốn ngoài ngân sách để đầu tư cho ứng dụng và phát triển công nghệ sinh học; có cơ chế ưu tiên đầu tư kinh phí từ ngân sách cho nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sinh học đối với vùng kinh tế-xã hội còn nhiều khó khăn, miền núi; ưu tiên đề xuất thực hiện nhiệm vụ thuộc các chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp quốc gia về nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sinh học.

3. Tập trung phát triển, ứng dụng hiệu quả công nghệ sinh học trong sản xuất và đời sống; phát triển công nghiệp sinh học thành ngành kinh tế-kỹ thuật quan trọng phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

- Tổ chức triển khai, hoàn thành tốt các nhiệm vụ của tỉnh trong phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng Đề án phát triển công nghiệp sinh học thành ngành kinh tế-kỹ thuật lĩnh vực nông nghiệp; phối hợp với Bộ Công Thương xây dựng Đề án phát triển công nghiệp sinh học thành ngành kinh tế-kỹ thuật lĩnh vực công thương; phối hợp với Bộ Y tế xây dựng Đề án phát triển công nghiệp sinh học lĩnh vực y tế; phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng Đề án phát triển công nghiệp sinh học lĩnh vực bảo vệ môi trường và Đề án xây dựng mạng lưới quản lý và kiểm định an toàn sinh học trong cả nước; phối hợp với Bộ Công an xây dựng Đề án tăng cường phòng chống tội phạm về đa dạng sinh học; phối hợp với Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam xây dựng Đề án nghiên cứu các khoa học cơ bản và phát triển công nghệ nền tảng của công nghệ sinh học đặc thù cho Việt Nam đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

- Đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sinh học trong nông nghiệp; lựa chọn, thử nghiệm, đánh giá các giống cây trồng, vật nuôi thích nghi với biến đổi khí hậu, chống chịu sâu, bệnh, có năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao phù hợp với điều kiện sản xuất của tỉnh; triển khai ứng dụng nhanh các loại vắc-

xin và chế phẩm sinh học phòng bệnh cho vật nuôi, cây trồng, nhất là các loại dịch bệnh nguy hiểm, mới phát sinh; tiếp tục triển khai có hiệu quả Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Ứng dụng thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong công nghiệp sinh học; tập trung hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh phát triển, hiện đại hoá công nghiệp chế biến các sản phẩm an toàn, hiệu quả, có giá trị cao từ nguồn nguyên liệu trong nước; đẩy mạnh xuất khẩu sản phẩm công nghệ sinh học.

- Xây dựng phác đồ điều trị, ứng dụng hiệu quả thuốc, vắc-xin đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh và phòng, chống dịch bệnh trong y tế; ưu tiên nghiên cứu sản xuất nguyên liệu và các loại thuốc sinh học, thực phẩm chức năng có nguồn gốc từ thảo dược đặc thù của tỉnh.

- Phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong bảo vệ môi trường; giảm thiểu suy thoái, phục hồi và cải thiện chất lượng môi trường, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, sử dụng bền vững nguồn tài nguyên góp phần xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; sản xuất nhiên liệu, vật liệu sinh học thân thiện môi trường, phát huy tiềm năng kinh tế biển.

- Nghiên cứu lộ trình phù hợp, xây dựng kế hoạch, khai thác tối đa lợi thế của tỉnh để từng bước xây dựng công nghiệp sinh học thành ngành kinh tế-kỹ thuật quan trọng trong chiến lược phát triển của tỉnh; liên kết các doanh nghiệp nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm từ công nghệ sinh học.

- Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực tiếp cận công nghệ mới, sở hữu trí tuệ; nghiên cứu sản xuất sản phẩm công nghệ sinh học quy mô công nghiệp; xây dựng thương hiệu, thương mại hoá sản phẩm; khai thác, sử dụng hiệu quả các phát minh, sáng chế công nghệ sinh học có giá trị cao của thế giới, ứng dụng hiệu quả trong công nghiệp sinh học.

4. Xây dựng nguồn nhân lực công nghệ sinh học, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học

- Tổ chức triển khai, hoàn thành tốt các nhiệm vụ của tỉnh trong phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng Đề án đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển công nghệ cao; phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng Đề án hỗ trợ đầu tư nâng cao năng lực nghiên cứu làm chủ công nghệ lõi, ươm tạo doanh nghiệp nghiên cứu, sản xuất sản phẩm công nghệ sinh học quy mô công nghiệp; tiếp tục triển khai các nhiệm vụ tại Quyết định số 553/QĐ-TTg ngày 21/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch tổng thể phát triển công nghiệp sinh học đến năm 2030.

- Nghiên cứu xây dựng mô hình đào tạo nhân lực công nghệ sinh học phù hợp với tỉnh; xây dựng liên kết giữa các doanh nghiệp công nghệ sinh học, đơn vị sử dụng lao động với các cơ sở đào tạo nhân lực công nghệ sinh học trong và ngoài nước. Gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học và nhu cầu thực tiễn, bảo đảm số lượng và chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu.

- Có các giải pháp phát triển đội ngũ nhà khoa học tại chỗ, hình thành và phát triển tại tỉnh các nhóm nghiên cứu tiệm cận trình độ khu vực và quốc gia trong lĩnh vực công nghệ sinh học.

- Đầu tư nguồn lực nhằm nâng cao năng lực phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học, trong đó ngân sách nhà nước chủ yếu đầu tư nâng cao năng lực nghiên cứu làm chủ công nghệ lõi, phát triển sản phẩm công nghệ sinh học mà tỉnh có lợi thế; hiện đại hoá hệ thống phòng thí nghiệm công nghệ sinh học, các trung tâm đánh giá, kiểm định; nâng cao năng lực các trung tâm kiểm soát dịch bệnh của theo tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế, đáp ứng yêu cầu giám sát và phòng, chống dịch bệnh.

- Đầu tư phát triển Trung tâm Thông tin - Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ tỉnh đủ năng lực và triển khai thực hiện làm cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ sinh học; hỗ trợ các doanh nghiệp nâng cao năng lực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, hiện đại hoá công nghệ, thiết bị nhằm sản xuất sản phẩm công nghệ sinh học đạt trình độ quốc gia và quốc tế.

5. Đẩy mạnh hợp tác trong và ngoài nước về công nghệ sinh học

- Tổ chức triển khai, hoàn thành tốt các nhiệm vụ của tỉnh trong phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng Đề án hợp tác quốc tế về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học: Chính sách mua, bán, chuyển giao, trao đổi công nghệ; mô hình phát triển kinh tế sinh học.

- Chủ động nắm bắt thông tin, xây dựng, đề xuất đặt hàng thực hiện tại tỉnh các nhiệm vụ thuộc Chương trình phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học quốc gia do các Bộ, ngành Trung ương quản lý nhằm tranh thủ sự hỗ trợ, đầu tư của Trung ương.

- Củng cố, phát triển theo chiều sâu các quan hệ hợp tác, liên kết đã có; đồng thời tiếp tục mở rộng hợp tác với các cơ quan, tổ chức trong nước, quốc tế về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cấp ủy, tổ chức đảng các cấp tổ chức phổ biến, quán triệt, tuyên truyền nội dung Nghị quyết tới cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân; đồng thời căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động xây dựng kế hoạch, chương trình, đề án cụ thể để triển khai thực hiện Nghị quyết và Chương trình hành động này.

2. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính sách có liên quan nhằm tạo điều kiện thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu Nghị quyết và Chương trình hành động này đề ra; đồng thời, chỉ đạo tăng cường công tác theo dõi, giám sát việc triển khai thực hiện.

3. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể, ưu tiên bố trí nguồn lực tài chính để thực hiện; chỉ đạo các sở, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch thực hiện hiệu quả Chương trình hành động này của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Hàng năm, 3 năm và 5 năm báo cáo kết quả triển khai thực hiện; thường xuyên chỉ đạo, giám sát, kiểm tra, đôn đốc tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu đề ra.

4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội xây dựng chương trình, kế hoạch tuyên truyền, quán triệt, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia thực hiện Nghị quyết, Chương trình hành động; đồng thời, phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội đối với việc xây dựng các chủ trương, cơ chế, chính sách về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học và quá trình thực hiện Nghị quyết, Chương trình hành động này.

5. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức, hướng dẫn việc quán triệt thực hiện Chương trình hành động; định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị,
- Văn phòng Trung ương,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Các sở, ngành, Mặt trận, đoàn thể tỉnh,
- Các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ



Nguyễn Đức Thanh